

ĐẨY MẠNH KHAI THÁC, ỨNG DỤNG CÁC SÁNG CHẾ/GIẢI PHÁP HỮU ÍCH VÀO THỰC TIỄN

Trong giai đoạn 2011-2015, Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ (TSTT) - Chương trình 68 - đã góp phần đưa hoạt động sở hữu trí tuệ (SHTT) tới mọi miền Tổ quốc, thúc đẩy công tác bảo hộ và phát triển TSTT, nâng cao chất lượng và khả năng cạnh tranh của các sản phẩm, góp phần phát triển bền vững kinh tế - xã hội... Trên cơ sở những kết quả đạt được và yêu cầu của thực tiễn, trong giai đoạn 2016-2020, Chương trình sẽ tập trung đẩy mạnh khai thác, ứng dụng các sáng chế/giải pháp hữu ích vào đời sống và sản xuất. Dưới đây là một số chia sẻ của ông Phan Ngân Sơn - Phó Cục trưởng Cục SHTT với phóng viên Tạp chí Khoa học và Công nghệ (KH&CN) Việt Nam về Chương trình này.

Với những kết quả đạt được trong giai đoạn 2011-2015, Chương trình 68 đã có tác động như thế nào đến đời sống kinh tế, xã hội, thưa ông?

Chương trình 68 được triển khai đã có những tác động tích cực, tạo ra giá trị gia tăng và hiệu quả đối với đời sống kinh tế, xã hội của Việt Nam. Cụ thể:

Góp phần đưa hoạt động SHTT tới mọi miền Tổ quốc, xã hội hóa công tác đầu tư cho hoạt động bảo hộ và phát triển TSTT: SHTT là lĩnh vực đặc thù, phát sinh từ các hoạt động sáng tạo, gắn liền với các kết quả nghiên cứu khoa học và hoạt động sản xuất, kinh doanh. Do đó, trước khi có Chương trình, hoạt động SHTT hầu như chỉ sôi động ở các tỉnh, thành phố lớn, các trung tâm KH&CN, công nghiệp và thương mại phát triển. Chương trình được triển khai đã mở ra một hướng đi phù hợp, giải quyết được phần nào vướng mắc về phương thức tổ chức hoạt động SHTT tại các

địa bàn nông thôn, vùng sâu, vùng xa. Đã có 63/63 địa phương có dự án được hỗ trợ từ Chương trình và tất cả các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã tham gia các hoạt động chung của Chương trình.

Từ mô hình của Chương trình, 35 địa phương đã phê duyệt và thực hiện các chương trình riêng bằng nguồn kinh phí tự huy động để xây dựng và phát triển TSTT cho các sản phẩm, dịch vụ của mình (Hà Nội, Bình Định, Bình Phước, Bình Thuận, Cần Thơ, TP Hồ Chí Minh...).

Nâng cao nhận thức và thúc đẩy hoạt động sáng tạo trong KH&CN nói chung, SHTT nói riêng: Chương trình đã có tác động rất lớn trong việc nâng cao nhận thức của xã hội và cộng đồng về SHTT. Các dự án tuyên truyền, phổ biến kiến thức về SHTT đã được triển khai, duy trì thường xuyên, liên tục và có chiều sâu trên các phương tiện thông tin đại chúng, góp phần tạo

chuyển biến tích cực trong nhận thức của các cấp, ngành và toàn xã hội về SHTT.

Tính đến hết tháng 12/2015, Chương trình 68 giai đoạn 2011-2015 đã hỗ trợ triển khai hơn 80 dự án tuyên truyền về SHTT trên đài truyền hình của 49 địa phương, theo đó đã có gần 3.000 số phát sóng nhằm tuyên truyền, phổ biến kiến thức về SHTT trên đài truyền hình các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Đây là một kênh tuyên truyền hữu hiệu đưa SHTT đến mọi miền của Tổ quốc, mọi đối tượng, ngành nghề.

Huy động sự tham gia của đông đảo các nhà sản xuất, kinh doanh sản phẩm, đặc biệt là sản phẩm nông nghiệp: Thông qua các dự án của Chương trình đã có gần 50 tổ chức tập thể được thành lập dưới hình thức hội/hiệp hội các nhà sản xuất, kinh doanh (nước mắm Phú Quốc, chè Shan tuyết Mộc Châu, vải thiều Lục Ngạn, cà phê Buôn Ma Thuột, hoa Đà Lạt...). Các tổ chức tập

thể này đi vào hoạt động đã giúp huy động nguồn lực của xã hội để cùng phát triển sản xuất, kinh doanh, góp phần vào việc thực hiện những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong xây dựng cánh đồng mẫu lớn, xây dựng nông thôn mới...

Nâng cao chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm, góp phần phát triển bền vững kinh tế, xã hội: Bảo hộ, quản lý và phát triển TSTT cho các sản phẩm đặc thù mang địa danh là một trong những đối tượng được ưu tiên hỗ trợ của Chương trình. Qua 5 năm thực hiện, đã có hơn 100 dự án thuộc nhóm này được hỗ trợ. Các sản phẩm được bảo hộ quyền SHTT khi đưa ra thị trường đòi hỏi phải được kiểm tra, quản lý chất lượng và đáp ứng các tiêu chuẩn về mẫu mã, tem nhãn theo quy trình nghiêm ngặt. Qua đó, giúp người tiêu dùng chủ động phân biệt được sản phẩm đáp ứng và không đáp ứng chất lượng và nguồn gốc xuất xứ.

Qua khảo sát thực tế và báo cáo của các địa phương cho thấy, các sản phẩm sau khi được bảo hộ đều cho hiệu quả kinh tế cao hơn (giá cam Vinh tăng lên hơn 50% sau khi chỉ dẫn địa lý được đăng bạ và quản lý; giá bán các sản phẩm chè Mộc Châu có bao bì mang chỉ dẫn địa lý cao hơn 1,7-2 lần; sản phẩm chè Tân Cương có bao bì mang chỉ dẫn địa lý có giá bán cao hơn khoảng 1,5 lần các sản phẩm cùng loại. Đặc biệt, hệ thống tem nhãn mang chỉ dẫn địa lý đã được Công ty chè Hoàng Bình - một công ty chè lớn của tỉnh Thái Nguyên - sử dụng rất hiệu quả...).

Đưa các kết quả nghiên cứu, sáng chế vào thực tiễn đời sống,



Chè Tân Cương có giá bán cao hơn khoảng 1,5 lần sau khi được bảo hộ chỉ dẫn địa lý.

phục vụ lợi ích dân sinh: Với 11 dự án áp dụng sáng chế, kết quả nghiên cứu khoa học đã góp phần vào việc thực hiện chủ trương của Bộ KH&CN về tăng cường áp dụng các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn đời sống xã hội. Các sáng chế này đã góp phần giải quyết nhiều vấn đề, chẳng hạn như vấn đề ô nhiễm môi trường do chất thải chăn nuôi, sản xuất... Xin nêu ví dụ về Dự án áp dụng các sáng chế số 7430 và số 10277 của Trường Đại học Bách khoa Hà Nội để xử lý môi trường tại làng nghề sản xuất miến và bánh đa ở huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Trước năm 2013, khi chưa triển khai Dự án, những sản phẩm thải loại từ hoạt động sản xuất bánh đa, miến đã khiến môi trường ô nhiễm nghiêm trọng, nước vo gạo lên men gây mùi hôi cho toàn làng nghề. Để giải quyết vấn đề này, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội đã xây dựng một bể chứa chất thải lớn, làm đường ống thu gom nước thải của tất cả các hộ gia đình làm nghề vào bể chứa, sau đó sử dụng chế phẩm và quy trình xử lý từ sáng chế. Kết quả là môi trường nơi đây đã trở lại trong lành, nhân dân phấn khởi và hiện là mô hình mẫu cho các

địa phương khác tham quan, học hỏi.

Bên cạnh những kết quả đạt được, theo ông đâu là những vấn đề cần tiếp tục được quan tâm giải quyết sau khi Chương trình kết thúc giai đoạn 2011-2015?

Trên cơ sở những kết quả đạt được của Chương trình 68 trong giai đoạn 2011-2015 và thực tiễn đời sống, sản xuất của người dân, chúng tôi thấy việc xác lập, quản lý và phát triển TSTT đối với các sản phẩm đặc thù của địa phương mang địa danh còn một số vấn đề tồn tại, cần phải được quan tâm như:

Một là, việc quản lý chỉ dẫn địa lý cần phải tiếp tục nghiên cứu để đưa ra mô hình phù hợp, đặc biệt là xác định cơ quan kiểm soát bên ngoài và cơ quan kiểm soát chất lượng sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý. Trong hầu hết các dự án, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thuộc Sở KH&CN đang được lựa chọn là cơ quan kiểm soát bên ngoài trong hệ thống cơ quan quản lý chỉ dẫn địa lý, tuy nhiên qua thực tiễn đánh giá, nghiệm thu các dự án cho thấy các cơ quan này hoạt động chưa thực sự hiệu quả, chưa bảo đảm chức năng, nhiệm vụ được giao.

Hai là, công tác quản lý và sử dụng nhãn hiệu chứng nhận chưa đáp ứng được đầy đủ mục tiêu đặt ra. Cụ thể, sau khi được bảo hộ, tỷ lệ các sản phẩm được gắn nhãn hiệu chứng nhận chưa nhiều, một số sản phẩm đã được gắn nhãn hiệu nhưng quy trình xem xét, cấp quyền sử dụng chưa hoàn toàn tuân thủ theo các quy định trong quy chế đã ban hành.

■ Khoa học - Công nghệ và Đổi mới

Cơ quan được lựa chọn làm chủ sở hữu nhãn hiệu chứng nhận cũng cần phải tiếp tục nghiên cứu để lựa chọn mô hình phù hợp với thực tiễn, bảo đảm công tác quản lý nhãn hiệu chứng nhận có tính khả thi và hiệu quả cao hơn.

Ba là, mô hình bảo hộ, quản lý nhãn hiệu tập thể hiện nay còn có một số hạn chế liên quan đến việc phân định quyền giữa thành viên tổ chức tập thể và chính tổ chức tập thể đó. Cụ thể, đối với một số nhãn hiệu tập thể đã được bảo hộ, các thành viên tổ chức tập thể khi sử dụng nhãn hiệu phải được sự cho phép của tổ chức tập thể là chưa phù hợp với quy định của Luật SHTT về quyền sử dụng của đối tượng SHTT này (theo quy định, các thành viên của tổ chức tập thể đương nhiên được sử dụng nhãn hiệu nếu không vi phạm các quy định).

Bốn là, việc hướng dẫn sử dụng tem nhãn, bao bì sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận và nhãn hiệu tập thể còn bất cập. Một số văn bản được xây dựng và ban hành chưa sát với thực tiễn hoạt động sản xuất, kinh doanh sản phẩm, chưa tham khảo quy định của Chính phủ và Bộ KH&CN về ghi nhãn hàng hoá lưu thông trên thị trường nên thiếu tính khả thi.

Xin ông cho biết, trong giai đoạn 2016-2020, Chương trình sẽ ưu tiên tập trung vào những nội dung nào?

Mặc dù đã đạt được nhiều kết quả tích cực trong giai đoạn 2011-2015, nhưng một số nội dung của Chương trình chưa được triển khai như mong muốn, như áp dụng sáng chế, định giá TSTT, bảo hộ và phát triển giá trị giống cây trồng mới, tăng cường



Ô nhiễm môi trường do sản xuất miến và bánh đa tại huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình đã được giải quyết nhờ khai thác TSTT.

hiệu quả thực thi quyền SHTT... Do vậy, trong giai đoạn mới, bên cạnh việc tiếp tục nâng cao nhận thức của các tổ chức, cá nhân về TSTT trong hội nhập kinh tế quốc tế; đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ về SHTT; hỗ trợ bảo hộ, quản lý và phát triển quyền SHTT cho sản phẩm đặc thù của địa phương, sản phẩm làng nghề mang địa danh, Chương trình sẽ tập trung hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức KH&CN trong việc xây dựng và triển khai mô hình quản lý và phát triển TSTT; tăng cường khai thác, áp dụng sáng chế/giải pháp hữu ích vào thực tiễn; hỗ trợ đăng ký bảo hộ quyền SHTT ở trong và ngoài nước đối với các sản phẩm quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Cụ thể, Chương trình sẽ tập trung vào: 1) Hỗ trợ thiết kế, xây dựng bộ công cụ tra cứu, các gói thông tin SHTT chuyên ngành và hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tiếp cận, khai thác thông tin SHTT; hỗ trợ xây dựng và triển khai mô hình quản lý và phát triển TSTT trong các doanh nghiệp và tổ chức KH&CN...; 2) Hỗ trợ đăng ký bảo hộ trong và ngoài nước đối với các sản phẩm, dịch vụ, ưu tiên

các đối tượng là kết quả nghiên cứu khoa học, sản phẩm chủ lực, sản phẩm quốc gia, kiểu dáng sản phẩm và giống cây trồng mới; quản lý và phát triển TSTT đối với các sản phẩm đặc thù của địa phương mang địa danh đã được bảo hộ chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể...; 3) Hỗ trợ định giá, kiểm toán TSTT, tập trung vào các đối tượng là sáng chế, tên thương mại, nhãn hiệu của các doanh nghiệp...; 4) Hỗ trợ hoàn thiện, khai thác, áp dụng các TSTT và thành quả sáng tạo, đặc biệt là các TSTT, thành quả sáng tạo cá nhân có tính ứng dụng cao, khả năng áp dụng rộng rãi, mang lại lợi ích thiết thực cho xã hội, cộng đồng; vinh danh, khen thưởng các cá nhân điển hình có TSTT, thành quả sáng tạo được áp dụng rộng rãi, mang lại lợi ích thiết thực cho cộng đồng và xã hội.

Xin cảm ơn ông và chúc Chương trình sẽ đạt được các mục tiêu đề ra.

Thực hiện: Công Thường